

BẢNG NHÂN 2

(2 tiết)

A. Mục tiêu

1. Kiến thức, kĩ năng:

- Thành lập bảng nhân 2.
- Bước đầu ghi nhớ bảng nhân 2.
- Vận dụng bảng nhân 2, tính nhẩm.

2. Năng lực chú trọng: tư duy và lập luận toán học, mô hình hoá toán học, giao tiếp toán học, giải quyết vấn đề toán học.

3. Tích hợp: Toán học và cuộc sống.

B. Thiết bị dạy học

GV: 20 khối lập phương.

HS: 10 khối lập phương.

C. Các hoạt động dạy học chủ yếu

KHỞ ĐỘNG

$$2 \times 5 = ?$$

HS nhóm đôi tìm kết quả phép nhân dựa vào tổng các số hạng bằng nhau.

$$2 + 2 + 2 + 2 + 2 = 10$$

$$2 \times 5 = 10$$

BÀI HỌC VÀ THỰC HÀNH

1. Thành lập bảng nhân 2

a) Nhu cầu thành lập bảng nhân 2

GV đặt vấn đề: Nếu ta lập một bảng nhân và học thuộc thì sẽ biết ngay kết quả, không cần đếm, không cần tính tổng.

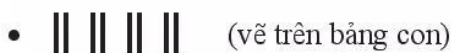
b) Thành lập bảng nhân 2 (HS nhóm đôi, không sử dụng SGK)

- GV gắn lên bảng lớp: bảng nhân 2 chưa hoàn chỉnh
- Cả lớp cùng **thực hiện** một trường hợp trong bảng, chẳng hạn:

$$2 \times 4 = ?$$

GV chỉ vào phép tính và hỏi: 2 được lấy mấy lần? (2 được lấy 4 lần)

Hãy thể hiện 2 được lấy 4 lần. HS có nhiều cách thể hiện, chẳng hạn:



$$2 \times 1 =$$

$$2 \times 2 =$$

$$2 \times 3 =$$

$$2 \times 4 =$$

$$2 \times 5 =$$

$$2 \times 6 =$$

$$2 \times 7 =$$

$$2 \times 8 =$$

$$2 \times 9 =$$

$$2 \times 10 =$$

- $2 + 2 + 2 + 2$

...

Vậy 2 nhân 4 bằng mấy? ($2 \times 4 = 8$)

(HS có thể tìm kết quả bằng cách đếm hay thực hiện phép cộng.)

- Mỗi nhóm đôi tìm kết quả một phép nhân trong bảng.
- Các nhóm thông báo kết quả, một vài nhóm trình bày cách tính, GV hoàn thiện bảng nhân.

2. Học thuộc bảng nhân 2 (HS không sử dụng SGK)

- HS **nhận xét** bảng nhân 2.
 - Thừa số thứ nhất: đều là 2.
 - Thừa số thứ hai: các số lần lượt từ 1 đến 10.
 - Tích: các số đếm thêm 2, từ 2 đến 20.
- HS **học thuộc** các tích trong bảng nhân 2

Bài 1: (mỗi HS đọc một vài số).

- 2, 4, 6, 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20.
- 8, 10, 12, 14, 16, 18, 20.
- 20, 18, 16, 14, 12, 10, 8, 6, 4, 2.
- 16, 14, 12, 10, 8.

- HS **học thuộc** bảng nhân.
 - Học thuộc các tích $2 \times 1 = 2$, $2 \times 5 = 10$, $2 \times 10 = 20$.
 - GV giới thiệu cách dựa vào ba tích trên để có kết quả các tích khác.

Ví dụ: $2 \times 7 = ?$

$$10 + 2 + 2 = 14$$

$$2 \times 7 = 14$$

$2 \times 9 = ?$

$$20 - 2 = 18$$

$$2 \times 9 = 18$$

HS **thực hành** với một số trường hợp khác.

- GV che một số kết quả rồi che một số thừa số thứ hai, HS **đọc** để khôi phục bảng.
- GV che toàn bộ bảng, HS **đọc** lần lượt từ trên xuống, từ dưới lên, đọc không theo thứ tự.

Bài 2: Nhóm bốn HS **thực hiện**, có đổ nhau các phép nhân trong bảng, có thể nói theo các cách khác nhau (xem mẫu).

LUYỆN TẬP

Bài 1:

- HS **tìm hiểu** bài, **nhận biết** các số đếm thêm 2, cũng là các tích trong bảng nhân 2 (từ bé đến lớn và ngược lại).
- HS **thực hiện** (làm miệng).
 - Sửa bài.
 - HS **đọc** theo thứ tự.
 - HS đọc ô bất kì (dựa vào ô phía trước rồi đếm thêm 2 hoặc dựa vào ô phía sau rồi đếm bớt 2).

Bài 2: Khuyến khích HS dựa vào bảng nhân 2 để làm.

Bài 3: Dựa vào bảng nhân 2 để làm.

Vui học

HS **quan sát** tranh, **tìm hiểu** yêu cầu của bài.

Bài hỏi gì?

10 con vịt có bao nhiêu cái cánh?

Mỗi con vịt có mấy cái cánh? (2 cái cánh)

2 cái cánh, 2 cái cánh, 2 cái cánh, ... Cái gì được lặp lại? (2 cái cánh)

Với 10 con vịt thì **cái gì được lấy mấy lần?** (2 cái cánh được lấy 10 lần)

Phép tính nhân để tính số cánh của 10 con vịt: $2 \times 10 = 20$.

Vậy 10 con vịt có 20 cái cánh.

CỦNG CỐ

Có thể dùng trò chơi “truyền điện” về các tích trong bảng nhân 2 (hỏi xuôi: $2 \times 7 = ?$, hỏi ngược: $16 = 2 \times ?$).

GV nói lại tác dụng của việc thuộc bảng nhân.

Hoạt động thực tế

HS học thuộc bảng nhân 2 ở nhà:

- Đọc từ trên xuống.
- Đọc từ dưới lên.
- Đọc không theo thứ tự.
- Nếu quên, dựa vào ba phép nhân màu đỏ trong bảng.